

**BẢNG SO SÁNH
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH
CÓ ĐIỀU KIỆN**

**LUẬT ĐẦU TƯ 2025
VS
LUẬT SỬA ĐỔI LUẬT ĐẦU TƯ 2026**

**GIẢM TỪ 198 XUỐNG CÒN 137 NGÀNH NGHỀ
HIỆU LỰC: 01/03/2027**

TỔNG QUAN

118

ngành, nghề giữ nguyên

Không thay đổi một chữ so với danh mục hiện hành.

49

ngành, nghề bị bãi bỏ

Không còn là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

20

ngành, nghề gộp lại thành 7

Bảy nhóm gộp, ví dụ bốn ngành, nghề về bảo hiểm gộp thành một.

7

ngành, nghề bị thu hẹp

Phạm vi hẹp hơn trước hoặc bị đổi tên, vẫn phải đáp ứng điều kiện.

4

ngành, nghề chỉ sửa câu chữ

Sửa dẫn chiếu văn bản và lỗi chính tả, nội dung giữ nguyên.

1

ngành, nghề bổ sung mới

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cấp thị thực của cơ sở kinh doanh được ủy quyền.

Căn cứ: Điều 1.2 Luật số 24/2026/QH16

Bảng so sánh Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện Giữa Luật Đầu tư 2025 và Luật Đầu tư sửa đổi 2026 (hiệu lực: 01/3/2027)

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
1	Sản xuất con dấu	1
2	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)	2
3	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ	3
4	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị, thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động	4
5	Kinh doanh súng bắn sơn	Bãi bỏ
6	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng	5
7	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ	6
8	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp	7
9	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên	Bãi bỏ
10	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8
11	Hành nghề luật sư	9
12	Hành nghề công chứng	10
13	Hành nghề giám định tư pháp	11
14	Hành nghề đấu giá tài sản	Bãi bỏ
15	Hành nghề thừa hành viên	Bãi bỏ
16	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản	Bãi bỏ
17	Kinh doanh dịch vụ kế toán	Bãi bỏ
18	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán	12
19	Kinh doanh hàng miễn thuế	Bãi bỏ
20	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ	13

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
21	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan , tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan	14
22	Kinh doanh chứng khoán	15
23	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước	16
24	Kinh doanh bảo hiểm Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (không bao gồm dịch vụ phụ trợ bảo hiểm)	17
25	Kinh doanh tái bảo hiểm	Gộp vào 17
26	Môi giới bảo hiểm	Gộp vào 17
27	Đại lý bảo hiểm	Gộp vào 17
28	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	18
29	Kinh doanh xổ số	19
30	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài Kinh doanh trò chơi có thưởng (bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược)	20
31	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	21
32	Kinh doanh ca-si-nô (casino)	Gộp vào 20
33	Kinh doanh đặt cược	Gộp vào 20
34	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí tự nguyện bổ sung	22
35	Kinh doanh xăng dầu	23
36	Kinh doanh khí	Bãi bỏ
37	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)	24
38	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ	25
39	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	26

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
40	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn	27
41	Sản xuất, kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất thuộc danh mục hóa chất, khoáng vật cấm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; dịch vụ tồn trữ hóa chất; hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất	28
42	Kinh doanh rượu	Bãi bỏ
43	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá, trừ thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng	29
44	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế	30
45	Hoạt động Sở Giao dịch hàng hóa	31
46	Hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện	32
47	Xuất khẩu gạo	33
48	Kinh doanh khoáng sản	Bãi bỏ
49	Kinh doanh tiền chất công nghiệp	34
50	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài tại Việt Nam	Bãi bỏ
51	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp	35
52	Hoạt động thương mại điện tử: quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp; chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại	36
53	Hoạt động dầu khí	Bãi bỏ
54	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp	37
55	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Bãi bỏ
56	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề	38

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
57	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	39
58	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động	Bãi bỏ
59	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	40
60	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện thuốc lá, điều trị HIV/AIDS, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện	41
61	Kinh doanh vận tải đường bộ	42
62	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô	43
63	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới	44
64	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô	45
65	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông	Bãi bỏ
66	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe	46
67	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông	47
68	Kinh doanh vận tải đường thủy	Bãi bỏ
69	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa	48
70	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải	49
71	Kinh doanh vận tải biển	Bãi bỏ
72	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng	Bãi bỏ
73	Kinh doanh khai thác cảng biển	Bãi bỏ
74	Kinh doanh vận tải hàng không	50
75	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam	51

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
76	Kinh doanh , nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, thử nghiệm, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác	52
77	Kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác	Gộp vào 52
78	Nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác	Gộp vào 52
79	Kinh doanh cảng hàng không	53
80	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không	54
81	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	55
82	Kinh doanh vận tải đường sắt	56
83	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	57
84	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm	58
85	Kinh doanh vận tải đường ống	Bãi bỏ
86	Kinh doanh bất động sản	59
87	Kinh doanh nước sạch (nước sinh hoạt)	Bãi bỏ
88	Hành nghề quản lý dự án đầu tư xây dựng Hành nghề quản lý dự án đầu tư xây dựng và chỉ huy trưởng công trường	60
89	Hành nghề khảo sát xây dựng	61
90	Hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng	62
91	Hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	63
92	Hành nghề Chỉ huy trưởng công trình	Gộp vào 60
93	Hành nghề kiểm định xây dựng	Bãi bỏ

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
94	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	64
95	Hành nghề tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn	65
96	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine	Bãi bỏ
97	Kinh doanh dịch vụ bưu chính	66
98	Kinh doanh dịch vụ viễn thông	67
99	Kinh doanh dịch vụ tin cậy	68
100	Hoạt động của nhà xuất bản	69
101	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì không chứa nhãn hàng hóa	70
102	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm	Bãi bỏ
103	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội	71
104	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet	72
105	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	73
106	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	74
107	Dịch vụ gia công, sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	75
108	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet	Bãi bỏ
109	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền	Bãi bỏ
110	Kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử	76
111	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự)	77
112	Kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu	78
113	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự	79
114	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động	Gộp vào 4

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
115	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non Hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên	80
116	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông	Gộp vào 80
117	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học	Gộp vào 80
118	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài Hoạt động của cơ sở giáo dục nước ngoài và phân hiệu cơ sở giáo dục nước ngoài	81
119	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên	Gộp vào 80
120	Hoạt động của trường chuyên biệt	Bãi bỏ
121	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài	Bãi bỏ
122	Kiểm định chất lượng giáo dục	Bãi bỏ
123	Khai thác thủy sản	82
124	Kinh doanh thủy sản	83
125	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản Sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	84
126	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Bãi bỏ
127	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong chăn nuôi	Bãi bỏ
128	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá	Bãi bỏ
129	Đăng kiểm tàu cá	85
130	Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá	Bãi bỏ
131	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	86

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
132	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	87
133	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	88
134	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật	Bãi bỏ
135	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	89
136	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y	Bãi bỏ
137	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật	90
138	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật	91
139	Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)	92
140	Kinh doanh chăn nuôi trang trại	93
141	Kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm	94
142	Kinh doanh phân bón Sản xuất phân bón	95
143	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón	96
144	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi Kinh doanh giống vật nuôi, sản xuất giống cây trồng	97
145	Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	98
146	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi	Bãi bỏ
147	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản	Bãi bỏ
148	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi	Bãi bỏ
149	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen	99
150	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	100

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
151	Kinh doanh dược	101
152	Sản xuất mỹ phẩm	102
153	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế	Bãi bỏ
154	Kinh doanh thiết bị y tế	103
155	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)	Bãi bỏ
156	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ	104
157	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	105
158	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp	106
159	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, thẩm định giá và giám định công nghệ	107
160	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan, dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp và dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng)	108
161	Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim	109
162	Kinh doanh dịch vụ giám định di vật, cổ vật	110
163	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch, dự án, thiết kế, tổ chức thi công, tư vấn giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích	111
164	Kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke), vũ trường	112
165	Kinh doanh dịch vụ lữ hành	113
166	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	114
167	Kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu	Bãi bỏ
168	Kinh doanh dịch vụ lưu trú	115

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
169	Kinh doanh di vật, cổ vật, trừ kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật; kinh doanh dịch vụ bảo quản, phục chế, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu di vật, cổ vật	116
170	Nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	117
171	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng	Bãi bỏ
172	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)	Bãi bỏ
173	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai	Bãi bỏ
174	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bãi bỏ
175	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất	Bãi bỏ
176	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ	118
177	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	119
178	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất	120
179	Kinh doanh dịch vụ khai thác tài nguyên nước	121
180	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước; dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa	Bãi bỏ
181	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản	122
182	Khai thác khoáng sản	123
183	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	124
184	Nhập khẩu phế liệu	125
185	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường	126
186	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại	127
187	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	128

STT hiện tại	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	STT mới
188	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	129
189	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng; cung ứng dịch vụ tiền di động	130
190	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	131
191	Hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng	Bãi bỏ
192	Kinh doanh vàng, trừ vàng trang sức, mỹ nghệ	132
193	Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên	Bãi bỏ
194	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian, phân tích, tổng hợp dữ liệu	133
195	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu	Gộp vào 133
196	Kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu	134
197	Hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa	135
198	Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân	136
	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cấp thị thực của cơ sở kinh doanh được ủy quyền	137

Mục 137 là ngành, nghề được bổ sung mới. Với cơ sở kinh doanh đã làm dịch vụ hỗ trợ cấp thị thực trước ngày 01/3/2027, Chính phủ sẽ quy định cách xử lý chuyển tiếp (Điều 3.2 Luật số 24/2026/QH16).

NGÀNH, NGHỀ BỊ CẤM

Khí N2O bị đưa vào nhóm ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh

TRƯỚC ĐÂY

Không có quy định

Điều 6.1 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 liệt kê các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh từ điểm a đến điểm l, không có khí N2O.

Căn cứ: Điều 6.1 Luật số 143/2025/QH15

TỪ 01/01/2027

Cấm kinh doanh khí N2O dùng cho người qua đường hô hấp

“m) Kinh doanh khí N2O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp, trừ mục đích y tế, công nghệ thực phẩm, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và mục đích khác theo quy định của Chính phủ.”

Căn cứ: Điều 1.1.a Luật số 24/2026/QH16

Liên Hệ Với Chúng Tôi

Đội ngũ luật sư và chuyên gia pháp lý của DEDICA luôn sẵn sàng hỗ trợ. Hãy liên hệ ngay để được tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên sâu.

Doanh nghiệp và Đầu tư
Hình sự/Tội phạm

Tư Vấn Pháp Lý Thường Xuyên
Mua bán & sáp nhập (M&A)

Giải quyết tranh chấp
Nhãn hiệu & Bản quyền



Địa chỉ

Tầng 11, Tòa nhà A&T, Số 171 Hai Bà Trưng,
Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh



Email

david@dedica-law.com



Điện thoại

+84 39 969 0012



Website

www.dedica-law.com



Hãy gọi ngay cho chúng tôi hoặc để lại lời
nhắn để được tư vấn.